TOÀ ÁN ND HUYỆN V	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH HƯNG YÊN	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:07/2018/HS-ST

Ngày 06/02/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V - TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Phạm Văn Trung**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Quang Điện.**

Bà **Nguyễn Thị Ngà.**

Thư ký phiên toà: Ông **Phạm Văn Đăng.**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên toà: Bà Ông **Vương Quang Thắng** - Kiểm sát viên.

Ngày 06/02/2018 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện V - tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số:01/2018/HSST ngày 05/01/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2018 đối với Bị cáo:

NGUYỄN VĂN B – Sinh năm 1997;

Nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 2/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt nam; Con ông: Nguyễn Văn L và bà: Nguyễn Thị T; Anh chị em ruột: Có 2 người, bị cáo là thứ hai; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa có; B bị bắt, tạm giam từ ngày 12/10/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ của Công an huyện V. Có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại:** Ông Bùi Văn P – Sinh năm 1961 (vắng mặt);

Địa chỉ: thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Ninh;

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Trần Văn B - Sinh năm 1990 (có mặt);

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn B là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định và ham chơi điện tử. B có quan hệ là bạn với anh Trần Văn B ở cùng làng. Ngày 16/8/2017, anh B cưới vợ và có mời B đến dự, làm giúp đám cưới từ ngày 15/8/2017. Tại đám cưới, B có gặp và làm quen với

cậu của anh B là ông Bùi Văn P. Khoảng hơn 12 giờ ngày 16/8/2017, gia đình anh B tiến hành đi đón dâu ở thôn C, xã V, huyện V. Do không có phương tiện cho nên ông P đã mượn của anh B chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream II màu nâu có biển số 89L1- 094.92 do Việt Nam sản suất để cùng mọi người đi đón dâu. Ông P gặp B ở cổng nhà anh B, biết B cũng không có phương tiện nên ông P đã đưa chìa khóa xe mô tô89L1- 094.92 cho B để B chở ông P đi đón dâu cùng mọi người. B đồng ý rồi điều khiển xe mô tô 89L1- 094.92 chở ông P đi. Khi đi đến nhà cô dâu ở thôn C, xã V, ông P xuống xe rồi đi vào nhà cô dâu trước, còn B dựng chiếc xe mô tô 89L1- 094.92 ở rìa đường gần nhà cô dâu và đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô nêu trên đem đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân. Sau khi dựng xe, B cất chìa khóa xe vào trong người rồi cũng đi vào trong rạp cưới ngồi uống nước cùng mọi người khoảng 10 phút thì đứng dậy đi ra chỗ để xe. B lấy xe mô tô 89L1- 094.92 rồi điều khiển đi thẳng xuống thành phố H, tỉnh H để trốn tránh. Sau đó, B đã tháo yếm của xe mô tô vừa chiếm đoạt được nêu trên ra, sử dụng xe làm phương tiện đi lại. Đến ngày 28/8/2017, B đã nhờ bạn là anh Đào Hồng Q ở số nhà 14B Chương D, phường Trần P, thành phố Hải Dương đem xe mô tô 89L1- 094.92 đi cầm cố được số tiền 3.000.000đ tiêu sài cá nhân.

Sau khi bị chiếm đoạt xe, đến ngày 18/6/2017 ông Bùi Văn P đã làm đơn trình báo gửi đến Ban Công an xã Đ, sau đó vụ việc được chuyển đến cơ quan CSĐT - Công an huyện V để giải quyết theo thẩm quyền. Anh Trần Văn B đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan CSĐT - Công an huyện V 01 đăng ký xe và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của xe mô tô 89L1- 094.92 để phục vụ điều tra. Đến ngày 31/8/2017, B đến đầu thú tại Công an huyện V.

Ngày 25/9/2017 Hội đồng định giá tài sản huyện V đã có kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐG xác định: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream II màu nâu biển số 89L1- 094.92 do Việt Nam sản suất tại thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá 13.000.000đ. Đến ngày 12/10/2017, B bị bắt theo lệnh bắt bị can để tạm giam của cơ quan CSĐT - Công an huyện V.

Quá trình điều tra đối với anh Đào Hồng Q là người đã đem chiếc xe mô tô 89L1- 094.92 cầm cố hộ bị cáo B sau đó đã bỏ đi khỏi nơi cư trú không rõ địa chỉ từ ngày 05/9/2017. Quá trình điều tra chưa đủ cơ sở để xác định rõ tính chất, mức độ hành vi nên cơ quan CSĐT - Công an huyện V tiếp tục xác minh để xử lý sau.

Đối với chiếc yếm của xe mô tô 89L1- 094.92, B khai sau khi tháo ra đã làm mất nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Cơ quan điều tra chưa xác định được nơi anh Đào Hồng Q đã cầm cố xe mô tô 89L1- 094.92 nên cũng chưa thu giữ được xe.

Ông Bùi Văn P yêu cầu B phải bồi thường trị giá của xe mô tô 89L1- 094.92 với số tiền là 13.000.000đ. Bị cáo B chấp nhận theo yêu cầu nhưng đến nay chưa bồi thường.

Bị cáo B thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu ở trên

Cáo trạng số 01/QĐ - VKS, ngày 04/01/2018 của VKSND huyện V truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội "***Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*** theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà bị cáo B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát huyện V đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*. Áp dụng điểm a khoản 1 điều 140; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Đề nghị HĐXX tuyên xử bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 1 năm đến 1 năm 3 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tình từ ngày tạm giam 12/10/2017.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự : Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584; 589; 468 Bộ luật dân sự ;

-Buộc bị cáo Nguyễn Văn B bồi thường cho ông Bùi Văn P số tiền 13.000.000đ *(Mười ba triệu đồng)*.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bô luật dân sự 2015.

-Trả lại anh Trần Văn B 01 giấy đăng ký xe mô tô và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS mang tên Trần Văn B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn B tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, đồng thời cũng phù hợp với lời khai của người bị hại là ông Bùi Văn P, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn B, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 13 giờ ngày 16/8/2017, tại thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên, sau khi được ông Bùi Văn P giao cho điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream II màu nâu biển số 89L1- 094.92 do Việt Nam sản suất có trị giá 13.000.000đ, Nguyễn Văn B đã điều khiển chiếc xe nêu trên bỏ trốn rồi đem đi cầm cố tại địa bàn thành phố H, tỉnh Hải Dương lấy số tiền 3.000.000đ tiêu sài cá nhân, sau đó thì bị phát hiện.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được ông P giao tài sản cho bị cáo sử dụng, sau khi có tài sản rồi sẽ nhằm chiếm đoạt ngay tài sản đó

và đã đem đi cầm cố lấy tiền tiêu sài, bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã lợi dụng lòng tin của người sử dụng tài sản giao cho một cách ngay thẳng hợp pháp, sau khi có tài sản bị cáo đã đem đi cầm cố để lấy tiền tiêu sài nên việc áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo là cần thiết.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú, tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, năn năn hối cải và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Sau khi cân nhắc tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết, có như vậy mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người làm ăn lương thiện, sống có ích cho xã hội, đồng thời cũng có tác dụng răn đe giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo nghề nghiệp không ổn định ở cùng với gia đình kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584; 589; 468 Bộ luật dân sự;

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream II màu nâu biển số 89L1- 094.92 do Việt Nam sản suất có trị giá 13.000.000đ hiện nay không thu hồi được nên sẽ buộc bị cáo B phải bồi thường giá trị chiếc xe cho ông Bùi Văn P số tiền 13.000.000đ.

Đối với 01 giấy đăng ký xe mô tô và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của xe mô tô 89L1- 094.92 mang tên Trần Văn B, anh B xin lại nên sẽ trả lại cho anh B những giấy tờ trên.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 140; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội: ***"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".***

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 01 (một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 12/10/2017.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584; 589; 468 Bộ luật dân sự ;

-Buộc bị cáo Nguyễn Văn B bồi thường cho ông Bùi Văn P số tiền 13.000.000đ *(Mười ba triệu đồng)*.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bô luật dân sự 2015.

-Trả lại anh Trần Văn B 01 giấy đăng ký xe mô tô và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS đều mang tên Trần Văn B.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị cáo Nguyễn Văn B phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 650.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Văn Trung

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện V;
- Công an huyện V;
- Chi cục T.H.A dân sự V ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.